Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)
Số 22 Ngô Quyền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Hotline: 1900 5555 92 | Website: PVcomBank.com.vn

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN QUỸ & DỊCH VỤ KHÁC

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính
			PVIP	PV1	PV2	PV3	
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum, EX.Gold FA.Platinum, FA.Gold FA.PN2, FA.PN3	
A	DỊCH VỤ NGÂN QUỸ						
1	**Đổi tiền mặt**						
1.1	Đổi tiền VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông/mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí					
1.2	Đổi tiền VND mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	0,5% Tối thiểu 10.000 VND	Miễn phí				Số tiền đổi
1.3	Đổi tiền ngoại tệ mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí					
1.4	Đổi tiền ngoại tệ mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	2,00% Tối thiểu 2 USD					Số tiền đổi
1.5	Đổi tiền USD không đủ tiêu chuẩn lưu thông (bao gồm USD trắng)	0,4% Tối thiểu 4 USD					Số tiền đổi
2	**Phí kiểm đếm**						
2.1	VND						
-	Kiểm đếm tại quầy GD PVcomBank	0,03% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 1.000.000 VND	Miễn phí	0,01% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 500.000 VND	0,02% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 500.000 VND	0,03% Tối thiểu: 10.000 VND Tối đa: 500.000 VND	Số tiền đếm

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính
			PVIP	PV1	PV2	PV3	
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum, EX.Gold FA.Platinum, FA.Gold FA.PN2, FA.PN3	
-	Kiểm đếm tại nơi KH yêu cầu	0,04% Tối thiểu 100.000 VND	0.03% Tối thiểu: 100.000 VND				Số tiền đếm
2.2	Ngoại tệ						
-	Kiểm đếm tại quầy GD PVcomBank	0,2% Tối thiểu 2 USD					Số tiền đếm
-	Kiểm đếm tại nơi KH yêu cầu	0,3% Tối thiểu 5 USD					Số tiền đếm
3	**Phí bảo quản tài sản (thu tròn tháng)**						
3.1	Phí bảo quản tài liệu quan trọng						
-	Dưới 20g	50.000 VND					01 tháng
-	Từ 20g - dưới 50g	80.000 VND					01 tháng
-	Từ 50g - dưới 100g	120.000 VND					01 tháng
-	Từ 100g - dưới 200g	200.000 VND					01 tháng
-	Từ 200g - dưới 1.000g	500.000 VND					01 tháng
-	Từ 1 kg trở lên	Thỏa thuận Tối thiểu 500.000 VND					01 tháng
3.2	Phí bảo quản tài liệu theo yêu cầu đặc biệt của khách hàng	Thỏa thuận					
4	**Giao dịch thu hộ** *(thu hộ tận nơi tại địa điểm theo yêu cầu Khách hàng)*	Số tiền thu hộ tối thiểu 300.000.000 đồng					

STT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách Nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính
			PVIP	PV1	PV2	PV3	
			Private	Diamond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum, EX.Gold FA.Platinum, FA.Gold FA.PN2, FA.PN3	
4.1	Bán kính dưới 10 km	0,06% Tối thiểu 150.000 VND	Miễn phí				Số tiền thu hộ
4.2	Bán kính từ 10 km đến dưới 30 km	0,06% Tối thiểu 200.000 VND					Số tiền thu hộ
4.3	Bán kính từ 30 km trở lên	Thỏa thuận Tối thiểu 200.000 VND Tối đa 200.000 VND + 70.000 VND/mỗi km tăng thêm					Số tiền thu hộ
5	**Giao dịch chi hộ tận nơi bằng tiền mặt** *(theo yêu cầu Khách hàng)*						
5.1	Cùng địa bàn	Thỏa thuận Tối thiểu 200.000 VND					
5.2	Khác địa bàn	Thỏa thuận Tối thiểu 500.000 VND					
B	**DỊCH VỤ KHÁC**						
1	**Phí trung gian thanh toán**						
1.1	Phí dịch vụ trung gian thanh toán khác	0,25% Tối thiểu 500.000 VND Tối đa 5.000.000 VND					Giá trị giao dịch

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám Đốc quyết định.
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
5. Đối với các khoản phí tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí.

6. Khách hàng thông báo trước cho PVcomBank ½ ngày nếu rút số tiền mặt ngoại tệ trên 10.000 USD, báo trước 1 ngày nếu số tiền trên 50.000 USD.
7. Khi thực hiện các nghiệp vụ quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được thu theo thực tế phát sinh.
8. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các Ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
9. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
10. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
11. Trường hợp KH đã được giảm phí: Nếu mức phí sau khi được giảm nhỏ hơn phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu.

(*) Nguyên tắc tính phí kiểm đếm:

- Chỉ tính phí kiểm đếm đối với những món tiền nộp bằng tiền mặt, những món tiền nhận bằng chuyển khoản thì không bị tính phí kiểm đếm.
- Khi trích tiền từ tài khoản, ưu tiên cho những món không bị tính phí kiểm đếm trước, khi giao dịch hết số tiền không bị tính phí kiểm đếm mới đến giao dịch số tiền bị tính phí kiểm đếm.